

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 11/10/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-01	24641286	Hoàng Quốc	Ân	04/02/2005	Nam	An Giang	A2	B302
02	A2-02	24631344	Dương Nguyễn Trang	Anh	28/10/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
03	A2-03	24635080	Phạm Ngọc Lan	Anh	03/12/2005	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
04	A2-04	25614348	Trương Hạ	Băng	03/12/2007	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
05	A2-05	24600287	Lê Thị Mộng	Cầm	03/05/2006	Nữ	Tiền Giang	A2	B302
06	A2-06	25612054	Phan Ngọc Bảo	Châu	19/09/2007	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
07	A2-07	23600227	Nguyễn Hải	Đăng	10/11/2026	Nam	Đồng Tháp	A2	B302
08	A2-08	24651005	Bùi Lê Tấn	Đạt	19/10/2002	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
09	A2-09	24600390	Nguyễn Quốc	Đạt	12/03/2005	Nam	Bình Định	A2	B302
10	A2-10	24631135	Nguyễn Thị Thùy	Diễm	17/04/2006	Nữ	Hậu Giang	A2	B302
11	A2-11	24681023	Nguyễn Phan Mỹ	Diệu	10/10/2006	Nữ	Đà Nẵng	A2	B302
12	A2-12	24681010	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	03/01/2005	Nữ	Lâm Đồng	A2	B302
13	A2-13	24611059	Nguyễn Thị Xuân	Diệu	20/11/2006	Nữ	Lâm Đồng	A2	B302
14	A2-14	24611061	Phan Tấn	Doanh	17/11/2005	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
15	A2-15	24641338	Đặng Dương Việt	Đức	01/05/2003	Nam	Huế	A2	B302
16	A2-16	24600006	Ông Vũ	Hải	28/08/2000	Nam	Lâm Đồng	A2	B302
17	A2-17	24635161	Trịnh Kiều	Hân	26/09/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B302
18	A2-18	24611046	Nguyễn Thị Kim	Hằng	18/08/2006	Nữ	Long An	A2	B302
19	A2-19	24600115	Phan Đức	Hậu	01/02/2006	Nam	Khánh Hòa	A2	B302
20	A2-20	24631271	Trương Thị	Hậu	08/01/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
21	A2-21	24600280	Đào Thị Thu	Hiền	04/05/2006	Nữ	Hải Phòng	A2	B302
22	A2-22	24600089	Nguyễn Hồ Hồng	Hoàn	26/08/2002	Nữ	Đồng Nai	A2	B302
23	A2-23	24641016	Nguyễn Phúc Duy	Hung	21/10/2004	Nam	Đồng Tháp	A2	B302
24	A2-24	23682112	Ngô Chấn	Huy	20/11/2005	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
25	A2-25	22641546	Phạm Văn	Huy	05/11/2004	Nam	Gia Lai	A2	B302
26	A2-26	24600239	Triệu Thị Kim	Huyền	09/09/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B302
27	A2-27	23631396	Trần Duy	Khang	28/01/2004	Nam	An Giang	A2	B302
28	A2-28	24631358	Lưu Nguyễn Phương	Khanh	15/12/2001	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
29	A2-29	23600304	Nguyễn Tuấn	Kiệt	24/12/2005	Nam	Tây Ninh	A2	B302
30	A2-30	25614201	Trương Thị Mỹ	Kiều	30/12/2007	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B302
31	A2-31	24631104	Nguyễn Thị Bích	Lài	29/09/2006	Nữ	Kiên Giang	A2	B302
32	A2-32	24611050	Nguyễn Thị Trúc	Liên	25/12/2006	Nữ	Long An	A2	B302

Ghi chú:

-Thí sinh có mặt tại phòng thi lúc 07 g ngày 05/04/2026.

-Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; GT; Nơi sinh (ghi theo GKS), nếu có sai sót thì đến ngày thi báo đến CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 11/10/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-33	24631226	Lâm Ái	Linh	05/02/1996	Nữ	Cần Thơ	A2	B303
02	A2-34	24641018	Lưu Nguyễn Hoàng	Linh	22/09/1996	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
03	A2-35	24635101	Đỗ Thị Bích	Loan	13/05/2006	Nữ	Đắk Lắk	A2	B303
04	A2-36	24600195	Huỳnh Xuân	Mai	01/08/2006	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
05	A2-37	24635074	Huỳnh Thái Trúc	My	23/03/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
06	A2-38	24651033	Trần Thị Ngọc	Ngà	02/02/2002	Nữ	Khánh Hòa	A2	B303
07	A2-39	24641377	Lê Thị Kim	Ngân	27/01/1996	Nữ	Cần Thơ	A2	B303
08	A2-40	25611087	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	10/08/2006	Nữ	Khánh Hòa	A2	B303
09	A2-41	23641482	Trần Hiếu	Ngân	09/08/1999	Nữ	Hải Phòng	A2	B303
10	A2-42	24681011	Lữ Đông	Nghi	11/03/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
11	A2-43	24611143	Hà Bích	Ngọc	11/12/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
12	A2-44	24600203	Huỳnh Như	Ngọc	05/02/2006	Nữ	Tây Ninh	A2	B303
13	A2-45	24611135	Phan Huỳnh Bảo	Ngọc	07/02/2006	Nữ	An Giang	A2	B303
14	A2-46	24631055	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	01/10/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
15	A2-47	24631183	Nguyễn Phương Thảo	Nhi	02/06/2006	Nữ	An Giang	A2	B303
16	A2-48	24631186	Phạm Thị Yến	Nhi	23/09/1998	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
17	A2-49	24631200	Võ Thị Tuyết	Nhi	07/07/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
18	A2-50	24631252	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	21/07/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B303
19	A2-51	24635059	Bùi Quỳnh	Như	19/09/2006	Nữ	Vĩnh Long	A2	B303
20	A2-52	24681036	Trang Sĩ Phát	Phát	08/12/2006	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
21	A2-53	24600400	Bùi Hải	Phong	19/01/2006	Nam	Đắk Lắk	A2	B303
22	A2-54	24641136	Bùi Văn	Phong	13/05/2005	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B303
23	A2-55	24635049	Đặng Nguyễn Thảo	Phương	29/03/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
24	A2-56	24631093	Trần Minh	Quang	22/11/2001	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
25	A2-57	24631347	Trần Thụy Như	Quỳnh	15/07/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
26	A2-58	23635183	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	31/01/2005	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
27	A2-59	24631334	Trần Ngọc	Son	28/06/2006	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
28	A2-60	23600278	Võ Hoàng	Son	12/05/2005	Nam	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
29	A2-61	24600076	Lê Phan Minh	Tâm	16/05/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B303
30	A2-62	24600261	Nguyễn Ngọc	Tâm	21/08/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B303
31	A2-63	24635136	Phạm Thị Phương	Thảo	14/12/2006	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B303
32	A2-64	24635097	Trịnh Thị Thanh	Thảo	16/02/2006	Nữ	Tây Ninh	A2	B303

Ghi chú:

-Thí sinh có mặt tại phòng thi lúc 07 g ngày 05/04/2026.

-Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; GT; Nơi sinh (ghi theo GKS), nếu có sai sót thì đến ngày thi báo đến CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 11/10/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
01	A2-65	24611190	Nguyễn Thị	Thảo	02/01/2006	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
02	A2-66	24631351	Dương Thị Kim	Thi	09/12/1999	Nữ	Vĩnh Long	A2	B304
03	A2-67	24635113	Nguyễn Lê Anh	Thi	23/07/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
04	A2-68	24631106	Trần Cẩm	Thi	09/02/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
05	A2-69	24682012	Hồ Xuân	Thời	14/06/2006	Nam	Bà Rịa-Vũng Tàu	A2	B304
06	A2-70	24600226	Trần Ngọc Anh	Thư	20/03/2006	Nữ	Cà Mau	A2	B304
07	A2-71	24641373	Trần Thị Minh	Thư	13/07/2001	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
08	A2-72	24635114	Nguyễn Lê Anh	Thư	23/07/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
09	A2-73	23635110	Nguyễn Diên	Thương	11/02/2003	Nam	Quảng Ngãi	A2	B304
10	A2-74	24635094	Hồ Thị Thanh	Thủy	25/06/2006	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
11	A2-75	25611099	Bùi Lê Thủy	Tiên	05/02/2006	Nữ	Long An	A2	B304
12	A2-76	25614333	Hà Thủy	Tiên	19/09/2007	Nữ	Hưng Yên	A2	B304
13	A2-77	24641029	Lâm Lê Phụng	Tiền	06/09/2001	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
14	A2-78	24600531	Huỳnh Ngọc	Toàn	28/06/2005	Nam	Tiền Giang	A2	B304
15	A2-79	24600491	Nguyễn Thị Yên	Trang	20/08/2006	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
16	A2-80	24600132	Bùi Thị Kim	Trúc	29/12/2006	Nữ	Gia Lai	A2	B304
17	A2-81	24631316	Trần Lâm Thanh	Trúc	13/10/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
18	A2-82	24641331	Trần Thanh	Trúc	07/11/2006	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
19	A2-83	24631320	Nguyễn Thị Anh	Tư	05/10/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
20	A2-84	24600123	Đoàn Minh	Tuệ	12/07/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
21	A2-85	24612061	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	14/12/2006	Nữ	Quảng Ngãi	A2	B304
22	A2-86	24600200	Diệp Kim	Tuyền	30/11/2002	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
23	A2-87	24600140	Nguyễn Phương	Uyên	13/10/2006	Nữ	Đồng Tháp	A2	B304
24	A2-88	23635169	Trần Phương	Uyên	22/02/2005	Nữ	Đồng Nai	A2	B304
25	A2-89	23631188	Huỳnh Ngọc Tuyết	Vân	09/01/2005	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
26	A2-90	24611152	Ngô Cao Thị Ánh	Vân	27/05/2006	Nữ	Lâm Đồng	A2	B304
27	A2-91	24600440	Diệp Thụy Tường	Vy	02/07/2005	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
28	A2-92	25614293	Hoàng Thị Kiều	Vy	20/11/2007	Nữ	Đắk Lắk	A2	B304
29	A2-93	24612067	Lê Ngọc Phương	Vy	22/08/2005	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
30	A2-94	24611138	Nguyễn Phạm Thảo	Vy	28/09/2003	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
31	A2-95	24600103	Trần Phạm Ái	Vy	10/02/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304
32	A2-96	24631295	Trịnh Ngọc Yến	Vy	21/08/2006	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	A2	B304

Ghi chú:

-Thí sinh có mặt tại phòng thi lúc 07 g ngày 05/04/2026.

-Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; GT; Nơi sinh (ghi theo GKS), nếu có sai sót thì đến ngày thi báo đến CBCT để ghi nhận điều chỉnh.

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ

Ngày 11/10/2026 - Thời gian 7g30

STT	SBD	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Trình độ	Phòng thi
Trình độ tương đương B1									
01	B1-01	24613222	Nguyễn Ngọc	Ánh	14/08/2006	Nữ	Đồng Tháp	B1	B306
02	B1-02	24613090	Trần Quân	Chương	03/09/2006	Nam	Tây Ninh	B1	B306
03	B1-03	24631328	Nguyễn Thu	Hằng	01/01/2006	Nữ	An Giang	B1	B306
04	B1-04	22635129	Phùng Thị Ngọc	Huyền	05/12/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B1	B306
05	B1-05	24612018	Võ Thị Thảo	Ly	09/11/2006	Nữ	Đồng Tháp	B1	B306
06	B1-06	24613213	Lê Thị Thuý	Nga	16/09/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B1	B306
07	B1-07	22613105	Nguyễn Lý	Ngoan	21/02/2004	Nữ	TP.Hồ Chí Minh	B1	B306
08	B1-08	23682103	Lê Thị Mỹ	Ngọc	13/03/2003	Nữ	Lâm Đồng	B1	B306
09	B1-09	24600135	Lê Lý	Như Ý	15/06/2006	Nữ	Tây Ninh	B1	B306
10	B1-10	24612031	Phạm Thị Thuý	Nhung	23/08/2005	Nữ	Đồng Nai	B1	B306
11	B1-11	24681014	Nguyễn Thị Vân	Thanh	18/02/2006	Nữ	Tây Ninh	B1	B306
12	B1-12	24682044	Phan Thị Như	Thảo	07/01/2006	Nữ	Tây Ninh	B1	B306
13	B1-13	24613128	Trần Thị Thanh	Thuý	08/06/2006	Nữ	Lâm Đồng	B1	B306
14	B1-14	24613254	Lê Huyền	Trân	01/06/2006	Nữ	Gia Lai	B1	B306
15	B1-15	24613201	Huỳnh Thị Yến	Trang	15/05/2006	Nữ	Tây Ninh	B1	B306
16	B1-16	24600128	Phan Nguyễn Thanh	Trúc	19/08/2006	Nữ	Đồng Tháp	B1	B306
17	B1-17	24613053	Huỳnh Ngọc	Tuyết	29/05/2006	Nữ	An Giang	B1	B306
Trình độ tương đương B2									
18	B2-01	23621082	Nguyễn Tấn	Duy	09/10/2003	Nam	Tây Ninh	B2	B306
19	B2-02	21621179	Nguyễn Thị Phương	Loan	27/12/2002	Nữ	Đồng Nai	B2	B306

Ghi chú:

-Thí sinh có mặt tại phòng thi lúc 07 g ngày 05/04/2026.

-Thí sinh kiểm tra kỹ thông tin: Họ và tên; Ngày sinh; GT; Nơi sinh (ghi theo GKS), nếu có sai sót thì đến ngày thi báo đến CBCT để ghi nhận điều chỉnh.